| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 1327/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 -11- 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Tiến

*Các hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Nguyễn Thị Năm

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 584/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng11 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1981;

Hộ khẩu thường trú: 222 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: 120 đường T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đương sự vắng mặt);

*2. Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1978;

Hộ khẩu thường trú: 222 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: 120 đường T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đương sự vắng mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 mâu thuẫn phát sinh do Ông N thường xuyên ăn nhậu về gây gỗ với vợ con, đập phá tài sản, có những lời lẽ xúc phạm, thiếu tôn trọng đối với vợ con; không quan tâm chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường xuyên cải vã, xung đột với nhau khiến cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần cố gắng động viên, khuyên nhủ, cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Đặng Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về nuôi con chung: Bà T xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đặng Hoàng Y, sinh ngày 21/3/2009 và Nguyễn Đặng Hoàng Q, sinh ngày 19/01/2014. Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đặng Thị Ngọc T tự xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tống đạt, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình số: 52/2014/QH13 tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự số: 92/2015/QH13 vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ông Nguyễn Văn N đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số: 92/2015/QH13, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bà T và Ông N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Ngọc T thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Nguyễn Văn N cư trú Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự số: 92/2015/QH13.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Đặng Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình số: 52/2014/QH13.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018 do Ông N thường xuyên ăn nhậu về gây gỗ với vợ con, đập phá tài sản, có những lời lẽ xúc phạm, thiếu tôn trọng đối với vợ con; không quan tâm chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường xuyên cải vã, xung đột với nhau khiến cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần cố gắng động viên, khuyên nhủ, cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Đặng Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn N để lấy lời khai và tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng Ông N vắng mặt và ông cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện Ông N không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng đã

không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình số: 52/2014/QH13 yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Về nuôi con chung: Bà T tự khai quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đặng Hoàng Y, sinh ngày 21/3/2009 và Nguyễn Đặng Hoàng Q, sinh ngày 19/01/2014. Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác. Xét nguyện vọng của trẻ Nguyễn Đặng Hoàng Y tại bản tự khai đề ngày 24/6/2019 trình bày "Nay cha mẹ tôi xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 8, nguyện vọng tôi xin được ở với mẹ, mẹ là người nuôi dạy con tốt". Nay Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, do trẻ Yến là con gái và mới hơn 10 tuổi, còn trẻ Quân mới hơn 05 tuổi đây là độ tuổi còn rất nhỏ cần có bàn tay chăm sóc đặc biệt của người mẹ và hiện các con đang chung sống với Bà T. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho Bà T tiếp tục nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Ông N cho đến khi Bà T có yêu cầu là có căn cứ phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình số: 52/2014/QH13.

Về tài sản chung: Do Bà T xác định hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Đặng Thị Ngọc T tự xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình số: 52/2014/QH13;

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số: 92/2015/QH13;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc T.

1.1. Về hôn nhân: Cho bà Đặng Thị Ngọc T ly hôn ông Nguyễn Văn N. Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/7/2007 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) con chung tên 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đặng Hoàng Y, sinh ngày 21/3/2009 và Nguyễn Đặng Hoàng Q, sinh ngày 19/01/2014 cho bà Đặng Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn N đến khi nào Bà T có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình số: 52/2014/QH13, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà T xác định để hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà T tự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Đặng Thị Ngọc T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2018/ 0019713 ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chi thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 10, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Tiến**